KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2022-2023
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

TT	Học kỳ	Mã Học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV	Mã GV	Tên Giảng viên	Hình thức thi	Ngày thi
1	1	CON25017	Đồ án tốt nghiệp (XD)	10	15T		600	D18X1DN	23		Khoa KTCT	B.vệ ĐA	
2	1	FLI25222	Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ (AV3/6)					D18X1DN	23		Khoa KHCB	Hết sử dụng thi	
3	1	FLI21902	Chuẩn đầu ra CNTT (CCCNTTCB)					D18X1DN	23		Khoa KHCB	Hết sử dụng thi	
	1												
	1												
	1												
	1												
	1												
	1												
	1												
	1												
	1												
	1												
1			**Tổng giờ, Dự trữ, Thi...**	**10**	**600**		**600**	**D18X1DN**	**23**	**SV**			

TT	HỌC KỲ I																								
	7	8				9					10				11				12					1	
	30	06	13	20	27	03	10	17	24	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	25	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
1				DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA							
2																									
3																									
1				**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**							

TT	TẾT			HỌC KỲ II																				HỌC KỲ HÈ			
	1		2				3					4				5				6				7			
	21	28	04	11	18	25	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	03	10	17	24	01	08	15	22
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	16	23	30	06	13	20	27	06	13	20	27	03	10	17	24	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17
	TẾT			29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	51
1																											
2																											
3																											
1																								**H**	**H**	**H**	**H**

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; DA: Đồ án tốt nghiệp; H: tuần học kỳ hè;

THÔNG TIN LỚP HỌC

D18X1DN Ngành: Kỹ thuật xây dựng; Phân hiệu Đà Nẵng; Bậc học: Đại học; Năm thứ: 4; GVCV: TS. Lê Công Duy;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2022-2023
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

TT	Học kỳ	Mã Học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV	Mã GV	Tên Giảng viên	Hình thức thi	Ngày thi
1	1	FLI22004	Anh văn chuyên ngành (Kỹ thuật)	2	30	30		D19X1DN	22	460	Lê Thị Thanh Nhung	Máy -T.nghiệm - đề đóng	
2	1	POL21904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30		D19X1DN	22	309	Lê Sơn Tùng	Viết - đề đóng	
3	1	CON21911	Kỹ thuật thi công 2	3	45	45		D19X1DN	22	404	Phạm Đăng Khoa	Viết - đề đóng	
4	1	CON24014	ĐA. Kỹ thuật thi công 2	1	30		30	D19X1DN	22	404	Phạm Đăng Khoa	B.vệ ĐA	
5	1	FLI26001	Tin học đại cương	3	60	30	30	D19X1DN	22	461	Lâm Thị Hậu	Máy -T.nghiệm - đề đóng	
6	1	CON23039	Tham quan công trình (XD)	1	40		40	D19X1DN	22		Khoa KTCT	Nộp BC	
			Học phần tự chọn (4/8 học phần)										
7	1	CON21912	Kết cấu nhà BTCT nhiều tầng	2	30	30		D19X1DN	22	158	Nguyễn Minh Tuấn Anh	Nộp BTL+vấn đáp	
8	1	CON21913	Kết cấu bê tông cốt thép ứng lực trước	2	30	30		D19X1DN	22	362	Nguyễn Quang Hòa	Nộp BTL+vấn đáp	
9	1	CON21916	Thi công Nhà nhiều tầng	2	30	30		D19X1DN	22	559	Phạm Mỹ	Viết - đề đóng	
10	1	CON25045	Tin học trong Quản lý xây dựng	2	45	15	30	D19X1DN	22	340	Lê Hữu Tính	Máy - TH	
11	1	CON24021	Kết cấu bê tông cốt thép đặc biệt	2	30	30		D19X1DN	22				
12	1	CON21917	Thi công công trình ngầm	2	30	30		D19X1DN	22				
13	1	CON21918	Thiết kế Biện pháp thi công hố móng sâu	2	30	30		D19X1DN	22				
14	1	BRC21902	Nền móng trong điều kiện đặc biệt	2	30	30		D19X1DN	22				
15	2	ECO21902	Đấu thầu và thanh quyết toán công trình	2	45	15	30	D19X1DN	22	137	Ngô Đình Châu	Nộp BTL+vấn đáp	
16	2	CON25048	Tổ chức thi công	3	45	45		D19X1DN	22	404	Phạm Đăng Khoa	Viết - đề đóng	
17	2	CON25016	ĐA. Tổ chức thi công	1	30		30	D19X1DN	22	404	Phạm Đăng Khoa	B.vệ ĐA	
18	2	CON25044	Thực tập cuối khóa (XD)	2	320		320	D19X1DN	22		Khoa KTCT	Nộp BC + Bảo vệ	
			Học phần tự chọn (3/6 học phần)										
19	2	CON21914	Gia cố và sửa chữa kết cấu BTCT	2	30	30		D19X1DN	22	158	Nguyễn Minh Tuấn Anh	Nộp BTL+vấn đáp	
20	2	CON24047	Tính toán Công trình chịu tải trọng động đất	2	30	30		D19X1DN	22	158	Nguyễn Minh Tuấn Anh	Nộp BC + vấn đáp	
21	2	CON22201	Quản lý dự án xây dựng	2	30	30		D19X1DN	22	163	Phạm Duy Hiếu	Viết - đề đóng	
22	2	CON21915	Kết cấu nhà thép nhiều tầng	2	30	30		D19X1DN	22				
23	2	CON21919	Quản lý chất lượng công trình	2	30	30		D19X1DN	22				
24	2	CON21920	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	2	30	30		D19X1DN	22				
2			**Tổng giờ, Dự trữ, Thi...**	**48**	**1110**	**600**	**510**	**D19X1DN**	**22**	**SV**			

TT	HỌC KỲ I																									TẾT		
	7	8				9					10				11				12					1				2
	30	06	13	20	27	03	10	17	24	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	04
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	25	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23	30
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	TẾT		
1				6	6	6	5	5	2			T																
2				3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	T														
3				5	5	5	6	6	6	6	6		T															
4									3	3	3	3	3	6	6	3		T										
5					4	4	4	4		4	4	8	8	8	8	4	8		T									
6																							40					
7				3	3	3	3	3	6	6	3		T															
8													3	6	3	3	3	3	3	6		T						
9														3	3	3	3	6	3	3	3	3		T				
10																4	8	6	8	8	8	3		T				
11																												
12																												
13																												
14																												
15																												
16																												
17																												
18																												
19																												
20																												
21																												
22																												
23																												
24																												
2				**17**	**21**	**21**	**21**	**21**	**20**	**22**	**19**	**14**	**17**	**23**	**20**	**17**	**22**	**15**	**14**	**17**	**11**	**T**	**T**	**T**	**D**			

TT	HỌC KỲ II																				HỌC KỲ HÈ			
	2			3					4				5				6				7			
	11	18	25	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	03	10	17	24	01	08	15	22
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	06	13	20	27	06	13	20	27	03	10	17	24	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17
	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	51
1																								
2	ghép D19X1-D20CD1																							
3																								
4																								
5																								
6																								
7																								
8																								
9																								
10																								
11																								
12																								
13																								
14																								
15	8	8	8	8	8	5		T																
16	8	8	8	8	8	5		T																
17							6	3	4	8	4	T												
18													TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT				
19	6	6	6	6	6		T																	
20						6	6	3	8	7		T												
21						6	6	3	8	7		T												
22																								
23																								
24																								
2	**22**	**22**	**22**	**22**	**22**	**22**	**18**	**9**	**20**	**22**	**4**	**T**	**TT**	**TT**	**TT**	**TT**	**TT**	**TT**	**TT**	**TT**	**H**	**H**	**H**	**H**

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; DA: Đồ án tốt nghiệp; H: tuần học kỳ hè;

THÔNG TIN LỚP HỌC

D19X1DN Ngành: Kỹ thuật xây dựng; Phân hiệu Đà Nẵng; Bậc học: Đại học; Năm thứ: 3; GVCV: TS. Phạm Đăng Khoa;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2022-2023
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

TT	Học kỳ	Mã Học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV	Mã GV	Tên Giảng viên	Hình thức thi	Ngày thi
1	1	CON21903	Kết cấu nhà bêtông cốt thép	3	45	45		D20X1DN	38	362	Nguyễn Quang Hòa	Viết - đề mở	
2	1	CON21904	ĐA. Kết cấu nhà BTCT	2	60		60	D20X1DN	38	362	Nguyễn Quang Hòa	B.vệ ĐA	
3	1	CON27002	Thí nghiệm và kiểm định công trình	2	60		60	D20X1DN	38	362	Nguyễn Quang Hòa	Vấn đáp+BC	
4	1	POL21904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30		D20X1DN	38	309	Lê Sơn Tùng	Viết - đề đóng	
5	1	BRC28001	Địa kỹ thuật	3	60	30	30	D20X1DN	38	1651	Lương Tấn Lực	Viết - đề mở	
6	1	BRC21901	Thí nghiệm Địa kỹ thuật	1	30		30	D20X1DN	38	1651	Lương Tấn Lực	Nộp BC	
7	1	CON21905	Kết cấu thép	3	60	30	30	D20X1DN	38	525	Lê Công Duy	Viết - đề mở	
8	1	ARC24054	Dự Toán	3	60	30	30	D20X1DN	38	340	Lê Hữu Tính	Viết - đề mở	
9	2	CON22113	Kết cấu nhà thép	3	45	45		D20X1DN	38	525	Lê Công Duy	Viết - đề mở	
10	2	CON21907	ĐA. Kết cấu nhà thép	1	30		30	D20X1DN	38	525	Lê Công Duy	B.vệ ĐA	
12	2	CON24034	Nền và móng	3	45	45		D20X1DN	38	392	Huỳnh Ngọc Hào	Viết - đề mở	
13	2	CON24015	ĐA. Nền và móng	1	30		30	D20X1DN	38	392	Huỳnh Ngọc Hào	B.vệ ĐA	
14	2	CON23033	Máy xây dựng	2	30	30		D20X1DN	38	421	Nguyễn Hoàng Phúc	T.nghiệm - đề đóng	
15	2	CON21909	Kỹ thuật thi công 1	3	45	45		D20X1DN	38	404	Phạm Đăng Khoa	Viết - đề đóng	
16	2	CON21910	ĐA. Kỹ thuật thi công 1	2	60		60	D20X1DN	38	559	Phạm Mỹ	B.vệ ĐA	
11	2	CON22057	Thực hành nghề nghiệp (XD)	1	80		80	D20X1DN	38	434	Nguyễn Thành Trung	T.Hành - đề mở	
11	2	CON22057	Thực hành nghề nghiệp (XD)	1	80		80	D20X1DN	38	429	Trần Văn Chư	T.Hành - đề mở	
3			Tổng giờ, Dự trữ, Thi...	36	850	330	520	D20X1DN	38	SV			

TT	Mã GV	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	TẾT		
		HỌC KỲ I																									TẾT		
		7	8				9					10				11				12					1				
		30	06	13	20	27	03	10	17	24	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	04
		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		25	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23	30
1	362				3	3	3	6	6	6	6	6	6	T															
2	362															8	8	8	4	8	4	8	8	4	T				
3	362											4	4		4	4	4	4	8	4	8	8	4	4	T				
4	309				3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	T														
5	1651				8	8	8	8	8	8	8	4		T															
6	1651															4	4	4	4	3	4	3	4	T					
7	525				6	6	6	6	6	6	6	6	6	3	3	T													
8	340												3	3	3	6	6	6	6	6	6	3	6	6	T				
9	525																												
10	525																												
12	392																												
13	392																												
14	421																												
15	404																												
16	559																												
11	434	ghép D20X1DN-D20CD1DN																											
11	429	ghép D20X1DN-D20CD1DN																											
3	SV				20	20	20	23	23	23	23	23	22	9	10	22	22	22	22	21	22	22	22	14	T	D			

TT	Mã GV	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	51
		HỌC KỲ II																				HỌC KỲ HÈ			
		2			3					4				5				6				7			
		11	18	25	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	03	10	17	24	01	08	15	22
		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		06	13	20	27	06	13	20	27	03	10	17	24	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17
1	362																								
2	362	ghép D20X1DN-D21X2DN																							
3	362																								
4	309																								
5	1651																								
6	1651																								
7	525																								
8	340																								
9	525	6	6	6	6	6	6	6	3		T														
10	525									4	4	4	8	8	8	T									
12	392	6	6	6	6	6	6	3	6		T														
13	392								3	6	3	6	3	3	6	T									
14	421	6	6	3	3	3	3	3	3		T														
15	404	3	6	6	6	3	3	3	3	3		3	3	3		T									
16	559					6	6	4	4	8		8	8	8	8	T									
11	434																40	40							
11	429																		40	40					
3	SV	21	24	21	21	24	24	19	22	21	7	21	22	22	22		40	40	40	40	D	H	H	H	H

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; DA: Đồ án tốt nghiệp; H: tuần học kỳ hè;

THÔNG TIN LỚP HỌC

D20X1DN **Ngành: Kỹ thuật xây dựng;** **Phân hiệu Đà Nẵng;** **Bậc học: Đại học;** **Năm thứ: 2;** **GVCV: Ths. Phan Công Bàn;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2022-2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

TT	Học kỳ	Mã Học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV	Mã GV	Tên Giảng viên	Hình thức thi	Ngày thi
					TS	LT	TH						
1	1	BRC22050	Thiết kế Cầu bê tông cốt thép 1	3	45	45		D20CD1DN	8	274	Nguyễn Kim Cường	Viết - đề mở	
2	1	BRC24002	Thiết kế đường 1	3	45	45		D20CD1DN	8	273	Lê Đức Quân	Viết - đề mở	
3	1	BRC27015	Mố trụ cầu	2	30	30		D20CD1DN	8	410	Nguyễn Ngọc Lượng	Viết - đề mở	
4	1	BRC21903	Tổng luận cầu	2	45	15	30	D20CD1DN	8	410	Nguyễn Ngọc Lượng	T.nghiệm - đề đóng	
5	1	BRC27001	ĐA. Thiết kế cầu BTCT	1	30		30	D20CD1DN	8	274	Nguyễn Kim Cường	B.vệ ĐA	
6	1	BRC24010	Thiết kế Cầu thép	3	45	45		D20CD1DN	8	277	Vũ Quang Thuận	Viết - đề mở	
7	1	BRC24014	ĐA. Thiết kế cầu thép	1	30		30	D20CD1DN	8	277	Vũ Quang Thuận	B.vệ ĐA	
8	1	BRC27016	Tin học ứng dụng Cầu	1	30		30	D20CD1DN	8	410	Nguyễn Ngọc Lượng	Máy - TH	
9	1	POL21904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30		D20CD1DN	8	309	Lê Sơn Tùng	Viết - đề đóng	
10	2	BRC24007	Thiết kế đường 2	2	30	30		D20CD1DN	8	273	Lê Đức Quân	Viết - đề mở	
11	2	BRC24008	Thi công Đường 1	2	30	30		D20CD1DN	8	382	Nguyễn Thanh Vũ	Viết - đề mở	
12	2	FLI25001	Anh văn chuyên ngành (Giao thông)	2	30	30		D20CD1DN	8	460	Lê Thị Thanh Nhung	Máy -T.nghiệm - đề đóng	
13	2	BRC25015	Thiết kế Cầu bê tông cốt thép 2	2	30	30		D20CD1DN	8	274	Nguyễn Kim Cường	Viết - đề mở	
14	2	BRC25001	ĐA. Thiết kế đường	1	30		30	D20CD1DN	8	391	Nguyễn Sĩ Vinh	B.vệ ĐA	
15	2	BRC24009	Thi công Cầu 1	2	30	30		D20CD1DN	8	375	Phạm Trung Nguyên	Viết - đề mở	
16	2	BRC27017	Tin học ứng dụng Đường	1	30		30	D20CD1DN	8	382	Nguyễn Thanh Vũ	Máy - TH	
17	2	BRC22077	Thiết kế đường đô thị	2	30	30		D20CD1DN	8	391	Nguyễn Sĩ Vinh	Viết - đề mở	
18	2	BRC22054	Thực hành nghề nghiệp (XDCĐ)	1	40		40	D20CD1DN	8	434	Nguyễn Thành Trung	T.Hành - đề đóng	
18	2	BRC22054	Thực hành nghề nghiệp (XDCĐ)	1	40		40	D20CD1DN	8	429	Trần Văn Chư	T.Hành - đề đóng	
18	2	BRC22054	Thực hành nghề nghiệp (XDCĐ)	1	40		40	D20CD1DN	8	259	Trần Văn Một	T.Hành - đề đóng	
18	2	BRC22054	Thực hành nghề nghiệp (XDCĐ)	1	40		40	D20CD1DN	8		Nguyễn Trọng Tuấn	T.Hành - đề đóng	
4			Tổng giờ, Dự trữ, Thi...	36	730	390	340	D20CD1DN	8	SV			

TT	HỌC KỲ I																								
	7	8				9					10				11				12					1	
	30	06	13	20	27	03	10	17	24	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	25	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
1				6	6	6	6	6	6	6	3		T												
2				6	6	6	6	6	6	6	3		T												
3					3	3	3	6	6	6	3			T											
4						3	3	3	3	3	8	8	6	T											
5															4	4	4	4	4	4	3	3	T		
6														3	6	6	6	6	6	3	6	3	T		
7															4	4	4	4	4	4	3	3		T	
8																			6	6	6	6	6	T	
9				3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	T											
10																									
11																									
12	ghép D20K1DN + D20CD1DN																								
13																									
14																									
15	ghép D20CD1 và D22CD2 nếu thuận tiện																								
16																									
17																									
18	ghép D20X1DN-D20CD1DN-lớp D21CD2 bổ sung																								
18	ghép D20X1DN-D20CD1DN-lớp D21CD2 bổ sung																								
18	ghép D20CD1DN-lớp D21CD2-D22CD2 bổ sung																								
18	ghép D20CD1DN-lớp D21CD2-D22CD2 bổ sung																								
4				15	18	21	21	24	24	24	20	11	9	3	14	14	14	14	20	17	18	T	T	T	D

TT	TẾT			HỌC KỲ II																				HỌC KỲ HÈ			
			2				3					4				5				6				7			
	21	28	04	11	18	25	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	03	10	17	24	01	08	15	22
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	16	23	30	06	13	20	27	06	13	20	27	03	10	17	24	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17
	TẾT			29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	51
1																											
2																											
3																											
4																											
5				ghép D20CD1DN-D21CD2DN																							
6																											
7				ghép D20CD1DN-D21CD2DN																							
8																											
9				ghép D19X1-D20CD1																							
10				6	6	6	6	6		T																	
11				6	6	6	6	6		T																	
12				3	3	3	3	3	3	3	T																
13				6	6	6	6	3	3	T																	
14											3	6	6	6	6	3	T										
15											3	3	6	6	6	6	T										
16											4	4	4	4	4	4	2	T									
17												8	6	4	4	4	4	T									
18																			40	40							
18																					40	40					
18																			40	40							
18																					40	40					
4				21	21	21	21	18	6	3	10	21	22	20	20	17	6	T	80	80	80	80	D	H	H	H	H

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; DA: Đồ án tốt nghiệp; H: tuần học kỳ hè;

THÔNG TIN LỚP HỌC

D20CD1DN Ngành: Kỹ thuật xây dựng Công trình giao thông; Phân hiệu Đà Nẵng; Bậc học: Đại học; Năm thứ: 2; GVCV: TS. Lê Công Duy;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2022-2023
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

TT	Học kỳ	Mã Học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV	Mã GV	Tên Giảng viên	HỌC KỲ I																									TẾT			HỌC KỲ II																				HỌC KỲ HÈ				Hình thức thi	Ngày thi
					TS	LT	TH					7	8				9					10				11				12					1				2				3					4				5				6				7					
												30 - 25	06 - 01	13 - 08	20 - 15	27 - 22	03 - 29	10 - 05	17 - 12	24 - 19	01 - 26	08 - 03	15 - 10	22 - 17	29 - 24	05 - 31	12 - 07	19 - 14	26 - 21	03 - 28	10 - 05	17 - 12	24 - 19	31 - 26	07 - 02	14 - 09	21 - 16	28 - 23	04 - 30	11 - 06	18 - 13	25 - 20	04 - 27	11 - 06	18 - 13	25 - 20	01 - 27	08 - 03	15 - 10	22 - 17	29 - 24	06 - 01	13 - 08	20 - 15	27 - 22	03 - 29	10 - 05	17 - 12	24 - 19	01 - 26	08 - 03	15 - 10	22 - 17		
												1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	TẾT			29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	51		
1	1	ARC25073	Cấu tạo kiến trúc 2	2	30	30		D20K1DN	8	397	Tạ Kim Sơn					6	6	6	6	6		T																																												Nộp BTL+vấn đáp	
2	1	CON26001	Kết cấu công trình	3	45	45		D20K1DN	8	362	Nguyễn Quang Hòa				8	8	8	6	6	6	3		T																	ghép D20K1-D21QX1																								Viết - đề mở	
3	1	CON21924	Kỹ thuật và Tổ chức thi công	2	30	30		D20K1DN	8	404	Phạm Đăng Khoa				6	6	6	6	3	3			T																																											Viết - đề đóng	
4	1	ARC21950	Lịch sử kiến trúc phương Đông và Việt Nam	2	45	15	30	D20K1DN	8	396	Trần Trọng Thức										8	8		6	8	8	8	6	6	8		T																																		Nộp BTL+vấn đáp	
5	1	ARC21906	Tin học ứng dụng 3	2	45	15	30	D20K1DN	8	1658	Dương Hưng Minh													6	3	6	6	8	8	5	3	T																																				Nộp BTL+vấn đáp	
6	1	ARC21947	ĐA. Kiến trúc 5	2	60		60	D20K1DN	8	399	Trần Thanh Quý					5	5	5	5	5	5	10	10	10	T																																									B.vệ ĐA	
7	1	ARC21948	ĐA. Kiến trúc 6	2	60		60	D20K1DN	8	214	Nguyễn Hữu Ninh																			5	15	10	15	15	T																															B.vệ ĐA	
8	1	ARC25075	Thiết kế nhanh (2)	0.5	15		15	D20K1DN	8	358	Lê Tiến Vinh															5	10	T																																						Nộp ĐA	
9	1	BAS32001	Giáo dục thể chất 3	1*	30		30	D20K1DN	8	458	Diệp Minh Đông				3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		T														ghép D20K1-D21QX1																								T.Hành - đề đóng	
			Tự chọn 4 (chọn 1/2 học phần)																																																														
10	1	ARC21912	Vật lý kiến trúc	2	30	30		D20K1DN	8	219	Ngô Minh Tân																6	6	6	6	6	T																																		Viết - đề mở	
10	1	ARC23031	Môi trường và kiến trúc	2	30	30		D20K1DN	8																																																									Viết - đề mở	
11	2	FLI23005	Anh văn chuyên ngành (Kiến trúc)	2	30	30		D20K1DN	8	460	Lê Thị Thanh Nhung	ghép D20K1DN + D20CD1DN																												3	3	3	3	3	3	3	T																	Máy -T.nghiệm - đề đóng	
12	2	ARC21907	Nguyên lý Thiết kế nội - ngoại thất	2	30	30		D20K1DN	8	221	Nguyễn Thị Ái Nương																																					6	6	6	6	6	T											Nộp BTL+vấn đáp	
13	2	ARC21908	Trang thiết bị công trình	3	60	30	30	D20K1DN	8	399	Trần Thanh Quý																																						6	6	6	6	6	8	8	4		T							Nộp BTL+vấn đáp	
14	2	BAS25001	Giáo dục thể chất 4	2*	60		60	D20K1DN	8	458	Diệp Minh Đông	ghép D20K1-D21QX1																												6	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	6	T							T.Hành - đề đóng	
			Tự chọn 5 (chọn 1/3 học phần)																																																													
15	2	ARC21952	Tin học chuyên ngành kiến trúc 1 (Revit 1)	2	45	15	30	D20K1DN	8	400	Võ Hoàng Vũ																													6	6	6	6	6	6	6	3	T																Nộp BTL+vấn đáp	
15	2	ARC21913	Tin học chuyên ngành Nội thất 1	2	45	15	30	D20K1DN	8																																																									Nộp BTL+vấn đáp	
15	2	ARC21914	Tin học chuyên ngành đồ họa 1	2	30	30		D20K1DN	8																																																										Máy - TH	
			Tự chọn 6 (chọn 1/3 học phần)																																																													
16	2	ARC24001	Bảo tồn di sản kiến trúc	2	30	30		D20K1DN	8	220	Đinh Ngọc Hòa																																		6	6	6	6	6	T														Nộp BC + vấn đáp	
16	2	ARC21915	Nguyên lý thị giác	2	30	30		D20K1DN	8																																																									Nộp BTL+vấn đáp	
16	2	ARC21916	Nguyên lý thiết kế đồ họa	2	30	30		D20K1DN	8																																																									Viết - đề mở	
			ĐA Kiến trúc 7,8 (chọn 1/3 nhóm đồ án)																																																													
			Nhóm Ngành Kiến trúc																																																													
17	2	ARC21928	ĐA. Chuyên ngành kiến trúc 7	3	90		90	D20K1DN	8	397	Tạ Kim Sơn																													5	10	10	10	10	10	10	10	10	5	T														B.vệ ĐA	
17	2	ARC21929	ĐA. Chuyên ngành kiến trúc 8	3	90		90	D20K1DN	8	400	Võ Hoàng Vũ																																							5	10	10	10	15	15	15	10	T						B.vệ ĐA	
			Nhóm Ngành Nội thất																																																													
18		ARC21930	ĐA. Chuyên ngành nội thất 1	3	90		90	D20K1DN	8																																																									B.vệ ĐA	
18		ARC21931	ĐA. Chuyên ngành nội thất 2	3	90		90	D20K1DN	8																																																									B.vệ ĐA	
			Nhóm Ngành Đồ họa																																																													
19		ARC21932	ĐA. Chuyên ngành đồ họa 1	3	90		90	D20K1DN	8																																																									B.vệ ĐA	
19		ARC21933	ĐA. Chuyên ngành đồ họa 2	3	90		90	D20K1DN	8																																																									B.vệ ĐA	
			ĐA thiết kế nhanh 3 (chọn 1/3 đồ án)																																																													
20	2	ARC21925	ĐA. TKN Chuyên ngành kiến trúc	0.5	15		15	D20K1DN	8	397	Tạ Kim Sơn																																											5	10	T						B.vệ ĐA	
20		ARC21926	ĐA. TKN chuyên ngành nội thất	0.5	15		15	D20K1DN	8																																																									B.vệ ĐA	
20		ARC21927	ĐA. TKN chuyên ngành đồ họa	0.5	15		15	D20K1DN	8																																																									B.vệ ĐA	

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2022-2023
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

TT	Học kỳ	Mã Học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV	Mã GV	Tên Giảng viên	Hình thức thi	Ngày thi
	he	BAS22291	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	2.5	45	37	8	D20K1DN	13	534	Trường quân sự QK V		
	he	BAS22292	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2	30	22	8	D20K1DN	13	534	Trường quân sự QK V		
	he	BAS22293	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	1.5	30	14	16	D20K1DN	13	534	Trường quân sự QK V		
	he	BAS22294	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4	2	60	4	56	D20K1DN	13	534	Trường quân sự QK V		
5			Tổng giờ, Dự trữ, Thi...	58	1395	435	960	D20K1DN	8	SV			

HỌC KỲ I

Tháng	7	8				9					10				11				12					1	
Ngày	30-25	06-01	13-08	20-15	27-22	03-29	10-05	17-12	24-19	01-26	08-03	15-10	22-17	29-24	05-31	12-07	19-14	26-21	03-28	10-05	17-12	24-19	31-26	07-02	14-09
Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
BAS22291																									
BAS22292																									
BAS22293																									
BAS22294																									
Tổng giờ, Dự trữ, Thi...				17	28	28	26	23	23	19	21	13	25	11	19	30	20	20	24	24	10	15	T	T	D

TẾT – HỌC KỲ II – HỌC KỲ HÈ

Tháng	1		2				3					4				5				6				7			
Ngày	21-16	28-23	04-30	11-06	18-13	25-20	04-27	11-06	18-13	25-20	01-27	08-03	15-10	22-17	29-24	06-01	13-08	20-15	27-22	03-29	10-05	17-12	24-19	01-26	08-03	15-10	22-17
Tuần	TẾT			29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	51
BAS22291																											
BAS22292																											
BAS22293																											
BAS22294																											
Tổng giờ, Dự trữ, Thi...				20	22	22	22	22	28	28	22	25	26	20	25	25	19	26	26	27	26	T	T	H	H	H	H

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; DA: Đồ án tốt nghiệp; H: tuần học kỳ hè;

THÔNG TIN LỚP HỌC

D20K1DN **Ngành: Kiến trúc;** **Phân hiệu Đà Nẵng;** **Bậc học: Đại học;** **Năm thứ: 2;** **GVCV: Ths. Phan Hữu Sang;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2022-2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

TT	Học kỳ	Mã Học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV	Mã GV	Tên Giảng viên	HỌC KỲ I	TẾT	HỌC KỲ II	HỌC KỲ HÈ	Hình thức thi	Ngày thi
1	1	CON25017	Đồ án tốt nghiệp (XD)	10	15T		600	D20X2DN	30		Khoa KTCT					B.vệ ĐA	
2	1	FLI25222	Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ (AV3/6)					D20X2DN	30		Khoa KHCB					Hết sử dụng thi	
3	1	FLI21902	Chuẩn đầu ra CNTT (CCCNTTCB)					D20X2DN	30		Khoa KHCB					Hết sử dụng thi	
	1																
6			**Tổng giờ, Dự trữ, Thi…**	**10**	**600**		**600**	**D20X2DN**	**30**	**SV**					**H H H H**		

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; DA: Đồ án tốt nghiệp; H: tuần học kỳ hè;

THÔNG TIN LỚP HỌC

D20X2DN Ngành: Kỹ thuật xây dựng; Phân hiệu Đà Nẵng; Bậc học: Đại học.; Năm thứ: 2; GVCV: TS. Phạm Đăng Khoa;

TT	Học kỳ	Mã Học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV	Mã GV	Tên Giảng viên	HỌC KỲ I	TẾT	HỌC KỲ II	HỌC KỲ HÈ		
1	1	BRC25012	Đồ án tốt nghiệp (CĐ)	10	15T		600	D20CD2DN	8		Khoa KTCT					B.vệ ĐA	
2	1	FLI25222	Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ (AV3/6)					D20CD2DN	8		Khoa KHCB					Hết sử dụng thi	
3	1	FLI21902	Chuẩn đầu ra CNTT (CCCNTTCB)					D20CD2DN	8		Khoa KHCB					Hết sử dụng thi	
	1																
7			**Tổng giờ, Dự trữ, Thi…**	**10**	**600**		**600**	**D20CD2DN**	**8**	**SV**					**H H H H**		

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; DA: Đồ án tốt nghiệp; H: tuần học kỳ hè;

THÔNG TIN LỚP HỌC

D20CD2DN Ngành: Kỹ thuật xây dựng Công trình giao thông; Phân hiệu Đà Nẵng; Bậc học: Đại học.; Năm thứ: 3; GVCV: TS. Lê Công Duy;

TT	Học kỳ	Mã Học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV	Mã GV	Tên Giảng viên	HỌC KỲ I	TẾT	HỌC KỲ II	HỌC KỲ HÈ		
1	1	ARC25022	Đồ án tốt nghiệp (Kiến trúc)	10	15T		640	D20K2DN	12		Khoa KTCT					B.vệ ĐA	
2	1	FLI25222	Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ (AV3/6)					D20K2DN	12		Khoa KHCB					Hết sử dụng thi	
3	1	FLI21902	Chuẩn đầu ra CNTT (CCCNTTCB)					D20K2DN	12		Khoa KHCB					Hết sử dụng thi	
	1																
8			**Tổng giờ, Dự trữ, Thi…**	**10**	**640**		**640**	**D20K2DN**	**12**	**SV**					**H H H H**		

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; DA: Đồ án tốt nghiệp; H: tuần học kỳ hè;

THÔNG TIN LỚP HỌC

D20K2DN Ngành: Kiến trúc; Phân hiệu Đà Nẵng; Bậc học: Đại học.; Năm thứ: 2; GVCV: Ths. Tạ Kim Sơn;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2022-2023
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

TT	Học kỳ	Mã Học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV	Mã GV	Tên Giảng viên	Hình thức thi	Ngày thi
1	1	BAS22011	Xác suất thống kê	2	30	30		D21X1DN	27	1661	Huỳnh Văn Quốc Ấn	Viết - đề mở	
2	1	CON23038	Sức bền vật liệu 2	2	30	30		D21X1DN	27	359	Phan Công Bàn	Viết - đề đóng	
3	1	CON23006	Cơ học kết cấu 1	3	60	30	30	D21X1DN	27	359	Phan Công Bàn	Viết - đề đóng	
4	1	CON22050	Vật liệu xây dựng	2	30	30		D21X1DN	27	635	Đỗ Vũ Thảo Quyên	T.nghiệm - đề đóng	
5	1	CON23052	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	1	30		30	D21X1DN	27	635	Đỗ Vũ Thảo Quyên	Vấn đáp+BC	
6	1	POL21903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30		D21X1DN	27	510	Trần Quốc Huy	Viết - đề đóng	
7	1	CON22054	Tin học ứng dụng 1 (Autocad)	2	45	15	30	D21X1DN	27	392	Huỳnh Ngọc Hào	Máy - TH - đề đóng	
8	1	FLI26003	Anh văn 2	3	45	45		D21X1DN	27	460	Lê Thị Thanh Nhung	Máy -T.nghiệm - đề đóng	
9	1	BAS32001	Giáo dục thể chất 3	1*	30		30	D21X1DN	27	458	Diệp Minh Đông	T.Hành - đề đóng	
10	2	CON22051	Cơ học kết cấu 2	2	30	30		D21X1DN	27	359	Phan Công Bàn	Viết - đề đóng	
11	2	CON22055	Tin học ứng dụng 2 (Sap và Etab)	2	60		60	D21X1DN	27	525	Lê Công Duy	Máy - TH - đề đóng	
12	2	ARC21901	Kiến trúc công trình	2	30	30		D21X1DN	27	397	Tạ Kim Sơn	Viết - đề đóng	
13	2	ARC21902	ĐA. Kiến trúc công trình	1	30		30	D21X1DN	27	397	Tạ Kim Sơn	B.vệ ĐA	
14	2	CON22056	Kết cấu bê tông cốt thép	4	75	45	30	D21X1DN	27	158	Nguyễn Minh Tuấn Anh	Viết - đề mở	
15	2	CON21922	ĐA. Kết cấu BTCT	1	30		30	D21X1DN	27	158	Nguyễn Minh Tuấn Anh	B.vệ ĐA	
16	2	UIT24008	Trắc địa	2	30	30		D21X1DN	27	181	Lê Văn Thái	T.nghiệm - đề đóng	
17	2	UIT22008	Thực tập trắc địa 1	1	30		30	D21X1DN	27	181	Lê Văn Thái	Nộp BC	
18	2	UIT23001	Cấp thoát nước	2	30	30		D21X1DN	27	173	Lê Đức Thường	Viết - đề mở	
19	2	POL22004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30		D21X1DN	27	532	GV mời ĐN	Viết - đề đóng	
20	2	BAS25001	Giáo dục thể chất 4	2*	60		60	D21X1DN	27	458	Diệp Minh Đông	T.Hành - đề đóng	
9			Tổng giờ, Dự trữ, Thi...	39	765	405	360	D21X1DN	27	SV			

TT	HỌC KỲ I																								
	7	8				9					10				11				12					1	
	30 - 25	06 - 01	13 - 08	20 - 15	27 - 22	03 - 29	10 - 05	17 - 12	24 - 19	01 - 26	08 - 03	15 - 10	22 - 17	29 - 24	05 - 31	12 - 07	19 - 14	26 - 21	03 - 28	10 - 05	17 - 12	24 - 19	31 - 26	07 - 02	14 - 09
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
1																4	4	4	4	4	4	6		T	
2																6	6	6	3	3	3	3		T	
3				8	6	8	8	8	8	6	8		T												
4														3	3	6	6	6	3	3		T			
5	ghép với lớp học bổ sung D20 liên thông																		4	6	6	6	8	T	
6					3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	T										
7				4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	5	T										
8				3	3	3	3	3	3	3	3	6	6	6	3	T									
9				3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		T										
10																									
11																									
12																4	4	4	4	4	4	3	3	T	
13																									
14																									
15																									
16	ghép D21X1-D22QX1																								
17	ghép D21X1-D22QX1-D22CD2-D20CD1																								
18	ghép D21X1-D21QX1																								
19	ghép D21X1-D21QX1																								
20																									
9				18	19	21	21	21	21	19	21	16	16	17	6	20	20	20	18	20	17	18	11	T	D

TT	TẾT			HỌC KỲ II																				HỌC KỲ HÈ			
				2			3					4				5				6				7			
	21 - 16	28 - 23	04 - 30	11 - 06	18 - 13	25 - 20	04 - 27	11 - 06	18 - 13	25 - 20	01 - 27	08 - 03	15 - 10	22 - 17	29 - 24	06 - 01	13 - 08	20 - 15	27 - 22	03 - 29	10 - 05	17 - 12	24 - 19	01 - 26	08 - 03	15 - 10	22 - 17
	TẾT			29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	51
1																											
2																											
3																											
4																											
5																											
6				ghép D21X1-D21K1+K2DN--D21QX1																							
7																											
8				Ghép D21K1+K2DN-D21X1DN																							
9																											
10				3	3	3	3	3	3	6	6	T															
11				4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		T							
12																											
13				4	4	4	4	4	4	3	3	T															
14				4	4	4	4	8	4	8	8	8	8	4	7	4		T									
15																4	4	6	8	8	T						
16													4	4	4	4	4	4	3	3		T					
17																					15	15					
18				6	6	6	3	3	3	3		T															
19													3	6	6	3	3	3	3	3		T					
20				3	3	3	3	4	4	4	3	6	6	3	3	3	3	3	3	3		T					
9				24	24	24	21	26	22	28	24	18	25	21	24	22	18	20	17	17	15	15	T	H	H	H	H

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; DA: Đồ án tốt nghiệp; H: tuần học kỳ hè;

THÔNG TIN LỚP HỌC

D21X1DN **Ngành: Kỹ thuật xây dựng;** **Phân hiệu Đà Nẵng;** **Bậc học: Đại học;** **Năm thứ: 2;** **GVCV: Ths. Nguyễn Minh Tuấn Anh;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2022-2023
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

TT	Học kỳ	Mã Học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV	Mã GV	Tên Giảng viên	Hình thức thi	Ngày thi
					TS	LT	TH						
1	1	POL21902	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30		D21K1+K2DN	13	522	Đặng Quang Vinh	Viết - đề đóng	
2	1	POL21903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30		D21K1+K2DN	13	510	Trần Quốc Huy	Viết - đề đóng	
3	1	ARC21903	Nguyên lý kiến trúc công trình Công cộng và Công nghiệp	3	45	45		D21K1+K2DN	13	397	Tạ Kim Sơn	Viết - đề mở	
4	1	ARC25072	Cấu tạo kiến trúc 1	4	75	45	30	D21K1+K2DN	13	397	Tạ Kim Sơn	Nộp BTL+vấn đáp	
5	1	ARC27003	Tin học ứng dụng 1 (Kiến trúc)	2	45	15	30	D21K1+K2DN	13	392	Huỳnh Ngọc Hào	Máy - TH	
6	1	ARC22035	Mỹ thuật P3	2	60		60	D21K1+K2DN	13	357	Phan Hữu Sang	T.Hành - đề đóng	
7	1	ARC21943	ĐA. Kiến trúc 1	2	60		60	D21K1+K2DN	13	1658	Dương Hưng Minh	B.vệ ĐA	
8	1	ARC21944	ĐA. Kiến trúc 2	2	60		60	D21K1+K2DN	13	397	Tạ Kim Sơn	B.vệ ĐA	
9	1	FLI26003	Anh văn 2	3	45	45		D21K1+K2DN	13	460	Lê Thị Thanh Nhung	Máy -T.nghiệm - đề đóng	
			Tự chọn 2 (chọn 1/2 học phần)					D21K1+K2DN					
10	1	ARC21909	Vẽ ký họa phong cảnh	1	30		30	D21K1+K2DN	13	357	Phan Hữu Sang	T.Hành - đề mở	
10	1	ARC21910	Nhiếp ảnh kiến trúc	1	30		30	D21K1+K2DN	13			T.Hành - đề mở	
11	2	ECO21005	Pháp luật đại cương	2	30	30		D21K1+K2DN	13	532	GV mời ĐN		
12	2	CON28001	Cơ học công trình	3	45	45		D21K1+K2DN	13	359	Phan Công Bàn	Viết - đề đóng	
13	2	ARC21949	Lịch sử kiến trúc phương Tây	2	45	15	30	D21K1+K2DN	13	218	Lê Đàm Ngọc Tú	Nộp BTL+vấn đáp	
14	2	ARC27004	Tin học ứng dụng 2 (Kiến trúc)	2	45	15	30	D21K1+K2DN	13	225	Võ Huy Dũng	Nộp BTL+vấn đáp	
15	2	ARC21904	Điêu khắc	2	60		60	D21K1+K2DN	13	357	Phan Hữu Sang	T.Hành - đề mở	
16	2	ARC21905	ĐA. Cấu tạo kiến trúc	2	60		60	D21K1+K2DN	13	219	Ngô Minh Tân	B.vệ ĐA	
17	2	ARC21945	ĐA. Kiến trúc 3	2	60		60	D21K1+K2DN	13	215	Ngô Đức Quý	B.vệ ĐA	
18	2	ARC21946	ĐA. Kiến trúc 4	2	60		60	D21K1+K2DN	13	358	Lê Tiến Vinh	B.vệ ĐA	
19	2	ARC25074	Thiết kế nhanh (1)	0.5	15		15	D21K1+K2DN	13	354	Trương Anh Bích Châu	Nộp ĐA	
			Tự chọn 3 (chọn 1/3 học phần)					D21K1+K2DN					
20	2	ARC21911	Thiết kế cảnh quan	2	30	30		D21K1+K2DN	13	354	Trương Anh Bích Châu	Nộp BTL+vấn đáp	
20	2	ARC23041	Nguyên lý quy hoạch đô thị	2	30	30		D21K1+K2DN	13				
20	2	ARC24048	Thiết kế Đô thị	2	30	30		D21K1+K2DN	13				
	he	BAS22291	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	2.5	45	37	8	D21K1+K2DN	13	534	Trường quân sự QK V		
	he	BAS22292	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2	30	22	8	D21K1+K2DN	13	534	Trường quân sự QK V		
	he	BAS22293	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	1.5	30	14	16	D21K1+K2DN	13	534	Trường quân sự QK V		
	he	BAS22294	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4	2	60	4	56	D21K1+K2DN	13	534	Trường quân sự QK V		
10			**Tổng giờ, Dự trữ, Thi...**	**47.5**	**1020**	**405**	**615**	**D21K1+K2DN**	**13**	**SV**			

TT	Mã Học phần	HỌC KỲ I																								
		7	8				9					10				11				12					1	
		30	06	13	20	27	03	10	17	24	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14
		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		25	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
1	POL21902																		6	6	6	6	6	T		
2	POL21903					3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	T										
3	ARC21903							6	6	6	6	6	6	6	3		T									
4	ARC25072														4	8	8	8	8	8	8	8	8	7	T	
5	ARC27003				4	4	4	4	4	4	4	4	4	3	3	3	T									
6	ARC22035				10	10	10	10	10	10	T															
7	ARC21943									6	9	9	9	9	9	9	T									
8	ARC21944																6	9	9	9	9	9	9	T		
9	FLI26003				3	3	3	3	3	3	3	3	6	6	6	3	T									
	Tự chọn 2																									
10	ARC21909																	6	4	4	4	4	4	4	T	
10	ARC21910																									
11	ECO21005	ghép D21K1+K2DN-D22CD1-D22K1																								
12	CON28001	ghép D21K1+K2DN-D22QX1																								
13	ARC21949																									
14	ARC27004																									
15	ARC21904																									
16	ARC21905																									
17	ARC21945																									
18	ARC21946																									
19	ARC25074																									
	Tự chọn 3																									
20	ARC21911																									
20	ARC23041																									
20	ARC24048																									
	BAS22291																									
	BAS22292																									
	BAS22293																									
	BAS22294																									
10	**Tổng giờ, Dự trữ, Thi...**				**17**	**20**	**20**	**26**	**26**	**32**	**25**	**25**	**28**	**27**	**28**	**23**	**14**	**23**	**27**	**27**	**27**	**27**	**27**	**11**	**T**	**D**

TT	Mã Học phần	TẾT			HỌC KỲ II																				HỌC KỲ HÈ			
				2				3					4				5				6				7			
		21	28	04	11	18	25	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	03	10	17	24	01	08	15	22
		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		16	23	30	06	13	20	27	06	13	20	27	03	10	17	24	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17
		TẾT			29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	51
1	POL21902				ghép D21K1+K2DN-D21QX1																							
2	POL21903				ghép D21X1-D21K1+K2DN--D21QX1																							
3	ARC21903																											
4	ARC25072																											
5	ARC27003																											
6	ARC22035																											
7	ARC21943																											
8	ARC21944																											
9	FLI26003				Ghép D21K1+K2DN-D21X1DN																							
	Tự chọn 2																											
10	ARC21909																											
10	ARC21910																											
11	ECO21005				3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	T													
12	CON28001				3	3	3	3	3	3	6	3	6	3	3	6	T											
13	ARC21949										6	6	6	6	6	6	3	6	T									
14	ARC27004																4	8	8	8	8	9	T					
15	ARC21904				10	10	10	10	10	10	T																	
16	ARC21905				10	10	10	10	10	10	T																	
17	ARC21945										10	10	10	10	10	10	T											
18	ARC21946																10	10	10	10	10	10	T					
19	ARC25074																		5	5	5	T						
	Tự chọn 3																											
20	ARC21911											4	4	4	6	4	8		T									
20	ARC23041																											
20	ARC24048																											
	BAS22291																											
	BAS22292																											
	BAS22293																											
	BAS22294																											
10	**Tổng giờ, Dự trữ, Thi...**				**26**	**26**	**26**	**26**	**26**	**26**	**25**	**26**	**29**	**26**	**25**	**26**	**25**	**24**	**23**	**23**	**23**	**19**	**T**	**T**	**H**	**H**	**H**	**H**

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; DA: Đồ án tốt nghiệp; H: tuần học kỳ hè;

THÔNG TIN LỚP HỌC

D21K1+K Ngành: Kiến trúc; Phân hiệu Đà Nẵng; Bậc học: Đại học.; Năm thứ: 2; GVCV: ;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2022-2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

TT	Học kỳ	Mã Học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV	Mã GV	Tên Giảng viên	Hình thức thi	Ngày thi
1	1	POL21902	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30		D21QX1DN	9	522	Đặng Quang Vinh	Viết - đề đóng	
2	1	POL21903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30		D21QX1DN	9	510	Trần Quốc Huy	Viết - đề đóng	
3	1	ARC23061	Cấu tạo kiến trúc	3	45	45		D21QX1DN	9	397	Tạ Kim Sơn	Viết - đề mở	
4	1	ARC27005	ĐA. Cấu tạo kiến trúc	1	30		30	D21QX1DN	9	399	Trần Thanh Quý	B.vệ ĐA	
5	1	CON23033	Máy xây dựng	2	30	30		D21QX1DN	9	421	Nguyễn Hoàng Phúc	T.nghiệm - đề đóng	
6	1	CON24034	Nền và móng	3	45	45		D21QX1DN	9	392	Huỳnh Ngọc Hào	Viết - đề mở	
7	1	CON24015	ĐA. Nền và móng	1	30		30	D21QX1DN	9	392	Huỳnh Ngọc Hào	B.vệ ĐA	
8	1	CON26001	Kết cấu công trình	3	45	45		D21QX1DN	9	362	Nguyễn Quang Hòa	Viết - đề mở	
9	1	CON21922	ĐA. Kết cấu BTCT	1	30		30	D21QX1DN	9	362	Nguyễn Quang Hòa	B.vệ ĐA	
10	1	FLI26002	Anh văn 1	3	45	45		D21QX1DN	9	460	Lê Thị Thanh Nhung	Máy -T.nghiệm - đề đóng	
11	1	BAS32001	Giáo dục thể chất 3	1*	30		30	D21QX1DN	9	458	Diệp Minh Đông	T.Hành - đề đóng	
12	2	POL22004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30		D21QX1DN	9	532	GV mời ĐN	Viết - đề đóng	
13	2	ECO25008	Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2	30	30		D21QX1DN	9	185	Trần Thị Quỳnh Như	Viết - đề đóng	
14	2	ECO25001	Kinh tế xây dựng 1	2	30	30		D21QX1DN	9	210	Vương Thị Thùy Dương	Viết - đề mở	
15	2	CON25060	Kỹ thuật thi công công trình	3	45	45		D21QX1DN	9	134	Ngô Ngọc Cường	Viết - đề đóng	
16	2	CON25061	ĐA. Kỹ thuật thi công Công trình	1	30		30	D21QX1DN	9	134	Ngô Ngọc Cường	B.vệ ĐA	
17	2	CON21908	An toàn và môi trường lao động	2	30	30		D21QX1DN	9	404	Phạm Đăng Khoa	Viết - đề đóng	
18	2	UIT23001	Cấp thoát nước	2	30	30		D21QX1DN	9	173	Lê Đức Thường	Viết - đề mở	
19	2	FLI26003	Anh văn 2	3	45	45		D21QX1DN	9	460	Lê Thị Thanh Nhung	Máy -T.nghiệm - đề đóng	
20	2	BAS25001	Giáo dục thể chất 4	2*	60		60	D21QX1DN	9	458	Diệp Minh Đông	T.Hành - đề đóng	
21	2	ECO28019	Đo bóc và kiểm soát khối lượng công trình xa	2	45	15	30	D21QX1DN	9	371	Võ Lê Duy Khánh	Viết - đề mở	
11			**Tổng giờ, Dự trữ, Thi…**	**40**	**765**	**525**	**240**	**D21QX1DN**	**9**	**SV**			

HỌC KỲ I

TT	7	8				9					10					11					12					1		
	30	06	13	20	27	03	10	17	24	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	04
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	25	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23	30
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25		TẾT	
1																		6	6	6	6	6	T					
2					3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	T													
3					4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	5	T												
4																	5	5	5	5	5	5		T				
5														3	3	3	3	6	3	3	3	3	T					
6							3	3	3	6	6	6	6	6	6	T												
7																	4	4	4	4	4	5	5	T				
8				8	8	8	6	6	6	3		T																
9																6	8	5	5	3	3		T					
10				4	4	4	4	4	4	4	4	4	5		T													
11				3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		T													
12	ghép D21X1-D21QX1																											
13																												
14																												
15																												
16																												
17																												
18	ghép D21X1-D21QX1																											
19																												
20	ghép D20K1-D21QX1																											
21																												
11				**15**	**22**	**22**	**23**	**23**	**23**	**23**	**20**	**20**	**20**	**21**	**14**	**9**	**20**	**26**	**23**	**21**	**21**	**19**	**5**	**T**	**D**			

HỌC KỲ II

TT	2			3				4				5				6			
	11	18	25	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	03	10	17	24
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	06	13	20	27	03	10	17	24	01	08	15	22	29	06	13	20	27	05	12	19
	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
1	ghép D21K1+K2DN-D21QX1																			
2	ghép D21X1-D21K1+K2DN--D21QX1																			
3																				
4																				
5																				
6																				
7																				
8	ghép D20K1-D21QX1																			
9																				
10																				
11	ghép D20K1-D21QX1																			
12									3	6	6	3	3	3	3	3			T	
13	6	6	6	6	6	T														
14	6	6	6	6	6		T													
15						3	3	6	6	6	6	6	3					T		
16													6	8	8	8			T	
17	3	3	3	3	6	6	3	3	T											
18		3	3	3	3	6	6	6	T											
19									4	4	4	4	4	8	8	8	12		T	
20	6	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	6		T	
21							3	3	6	6	6	6	6	3					T	
11	**21**	**21**	**21**	**21**	**24**	**18**	**18**	**21**	**19**	**22**	**25**	**25**	**22**	**25**	**25**	**22**	**22**	**18**	**T**	**D**

HỌC KỲ HÈ

TT	7			
	01	08	15	22
	-	-	-	-
	26	03	10	17
	49	50	51	51
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
11				
12				
13				
14				
15				
16				
17				
18				
19				
20				
21				
11	**H**	**H**	**H**	**H**

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; DA: Đồ án tốt nghiệp; H: tuần học kỳ hè;

THÔNG TIN LỚP HỌC

D21QX1DN Ngành: Quản lý xây dựng; Phân hiệu Đà Nẵng; Bậc học: Đại học; Năm thứ: 2; GVCV: Ths. Nguyễn Minh Tuấn Anh;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2022-2023
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

TT	Học kỳ	Mã Học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV	Mã GV	Tên Giảng viên	Hình thức thi	Ngày thi
1	2/21-2	CON21903	Kết cấu nhà bêtông cốt thép	3	45	45		D21X2DN	6	158	Nguyễn Minh Tuấn Anh	Viết - đề mở	
2	2/21-2	CON21904	ĐA. Kết cấu nhà BTCT	2	60		60	D21X2DN	6	362	Nguyễn Quang Hòa	B.vệ ĐA	
3	2/21-2	CON22113	Kết cấu nhà thép	3	45	45		D21X2DN	12	525	Lê Công Duy	Viết - đề mở	
4	2/21-2	CON21907	ĐA. Kết cấu nhà thép	1	30		30	D21X2DN	12	525	Lê Công Duy	B.vệ ĐA	
5	2/21-2	CON27002	Thí nghiệm và kiểm định công trình	2	60		60	D21X2DN	12			Vấn đáp+BC	
6	2/21-2	CON21910	ĐA. Kỹ thuật thi công 1	2	60		60	D21X2DN	12	404	Phạm Đăng Khoa	B.vệ ĐA	
7	2/21-2	CON21911	Kỹ thuật thi công 2	3	45	45		D21X2DN	6	619	Phạm Quang Nhật	Viết - đề đóng	
8	2/21-2	CON24014	ĐA. Kỹ thuật thi công 2	1	30		30	D21X2DN	6	619	Phạm Quang Nhật	B.vệ ĐA	
1	1	ECO21901	Pháp luật và Kinh tế xây dựng	3	45	45		D21X2DN	4	197	Trịnh Văn Cần	Viết - đề mở	
2	1	CON22061	ĐA. Tổ chức thi công	2	60		60	D21X2DN	12	404	Phạm Đăng Khoa	B.vệ ĐA	
3	1	CON22062	Chuyên đề tốt nghiệp (KS_XDDD&CN)	2	45	15	30	D21X2DN	12		Khoa KTCT	Nộp BC + vấn đáp	
	1		***Tự chọn (SV chọn 8/16 TC)***						12				
4	1	CON21912	Kết cấu nhà BTCT nhiều tầng	2	30	30		D21X2DN	12	158	Nguyễn Minh Tuấn Anh	Nộp BTL+vấn đáp	
5	1	CON21916	Thi công Nhà nhiều tầng	2	30	30		D21X2DN	12	559	Phạm Mỹ	Viết - đề đóng	
6	1	CON22059	Tin học ứng dụng 3 (Ms Project)	2	45	15	30	D21X2DN	12	340	Lê Hữu Tính	Máy - TH - đề đóng	
7	1	CON21919	Quản lý chất lượng công trình	2	30	30		D21X2DN	12	612	Phạm Thị Phương Trang	Viết - đề đóng	
8	1	CON21914	Gia cố và sửa chữa kết cấu BTCT	2	30	30		D21X2DN	12				
9	1	CON21917	Thi công công trình ngầm	2	30	30		D21X2DN	12				
10	1	ARC23041	Nguyên lý quy hoạch đô thị	2	30	30		D21X2DN	12				
11	1	CON21920	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	2	30	30		D21X2DN	12				
12	2	CON25017	Đồ án tốt nghiệp (XD)	10	600		600	D21X2DN	12		Khoa KTCT	B.vệ ĐA	
13	2	FLI25222	Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ (AV3/6)					D21X2DN	12		Khoa KHCB	Hết sử dụng thi	
14	2	FLI21902	Chuẩn đầu ra CNTT (CCCNTTCB)					D21X2DN	12		Khoa KHCB	Hết sử dụng thi	
12			**Tổng giờ, Dự trữ, Thi...**	**50**	**1380**	**420**	**960**	**D21X2DN**	**12**	**SV**			

TT	Mã Học phần	HỌC KỲ I																								
		7	8				9					10				11				12					1	
		30 - 25	06 - 01	13 - 08	20 - 15	27 - 22	03 - 29	10 - 05	17 - 12	24 - 19	01 - 26	08 - 03	15 - 10	22 - 17	29 - 24	05 - 31	12 - 07	19 - 14	26 - 21	03 - 28	10 - 05	17 - 12	24 - 19	31 - 26	07 - 02	14 - 09
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
1	CON21903					8	8	8	4	4	4	4	5		T											
2	CON21904															8	8	8	4	8	4	8	8	4	T	
3	CON22113					8	8	8	4	4	4	4	5		T											
4	CON21907																	5	5	5	5	5	5	T		
5	CON27002																									
6	CON21910					5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	T								
7	CON21911								8	8	8	8	8	8	4	4	4		T							
8	CON24014																			5	5	5	5	10	T	
1	ECO21901	ghép D21X2DN và D22CD2DN												8	4	4	4	4	4	4	4	4	4		T	
2	CON22061																									
3	CON22062																									
4	CON21912																									
5	CON21916																									
6	CON22059																									
7	CON21919																									
8	CON21914																									
9	CON21917																									
10	ARC23041																									
11	CON21920																									
12	CON25017																									
13	FLI25222																									
14	FLI21902																									
12						**21**	**21**	**21**	**21**	**21**	**21**	**21**	**23**	**21**	**13**	**21**	**21**	**17**	**13**	**22**	**18**	**22**	**22**	**14**	**T**	**D**

TT	Mã Học phần	TẾT			HỌC KỲ II																				HỌC KỲ HÈ			
		1			2			3					4				5				6				7			
		21 - 16	28 - 23	04 - 30	11 - 06	18 - 13	25 - 20	04 - 27	11 - 06	18 - 13	25 - 20	01 - 27	08 - 03	15 - 10	22 - 17	29 - 24	06 - 01	13 - 08	20 - 15	27 - 22	03 - 29	10 - 05	17 - 12	24 - 19	01 - 26	08 - 03	15 - 10	22 - 17
		TẾT			29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	51
1	CON21903														**Học kỳ II năm 2021-2022**													
2	CON21904				ghép D20X1DN-D21X2DN										**Học kỳ II năm 2021-2022**													
3	CON22113														**Học kỳ II năm 2021-2022**													
4	CON21907														**Học kỳ II năm 2021-2022**													
5	CON27002				Học theo D20X2DN rồi										**Học kỳ II năm 2021-2022**													
6	CON21910														**Học kỳ II năm 2021-2022**													
7	CON21911														**Học kỳ II năm 2021-2022**													
8	CON24014														**Học kỳ II năm 2021-2022**													
1	ECO21901																											
2	CON22061				5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5		T										
3	CON22062				4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	5		T											
4	CON21912				4	4	4	4	4	4	3	3	T															
5	CON21916				4	4	4	4	4	4	4	4	4	3	3	3		T										
6	CON22059				4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	5	T												
7	CON21919													4	4	8	14	T										
8	CON21914																											
9	CON21917																											
10	ARC23041																											
11	CON21920																											
12	CON25017																				DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA
13	FLI25222																											
14	FLI21902																											
12					**21**	**21**	**21**	**21**	**21**	**21**	**20**	**20**	**17**	**20**	**22**	**16**	**14**	**T**	**T**	**T**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; DA: Đồ án tốt nghiệp; H: tuần học kỳ hè;

THÔNG TIN LỚP HỌC

D21X2DN Ngành: Kỹ thuật xây dựng; Phân hiệu Đà Nẵng; Bậc học: Đại học.; Năm thứ: 2; GVCV: Ths. Nguyễn Quang Hòa;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2022-2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

TT	Học kỳ	Mã Học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV	Mã GV	Tên Giảng viên	HỌC KỲ I																									TẾT			HỌC KỲ II																				HỌC KỲ HÈ				Hình thức thi	Ngày thi
												7	8				9					10				11				12					1					2			3					4				5				6				7					
												30 - 25	06 - 01	13 - 08	20 - 15	27 - 22	03 - 29	10 - 05	17 - 12	24 - 19	01 - 26	08 - 03	15 - 10	22 - 17	29 - 24	05 - 31	12 - 07	19 - 14	26 - 21	03 - 28	10 - 05	17 - 12	24 - 19	31 - 26	07 - 02	14 - 09	21 - 16	28 - 23	04 - 30	11 - 06	18 - 13	25 - 20	04 - 27	11 - 06	18 - 13	25 - 20	01 - 27	08 - 03	15 - 10	22 - 17	29 - 24	06 - 01	13 - 08	20 - 15	27 - 22	03 - 29	10 - 05	17 - 12	24 - 19	01 - 26	08 - 03	15 - 10	22 - 17		
												1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	TẾT			29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	51		
1	2/21-2	BRC25015	Thiết kế Cầu bê tông cốt thép 2	2	30	30		D21CD2DN	11	274	Nguyễn Kim Cường								8	8	8	6	T																													Học kỳ II năm 2021-2022														Viết - đề mở	
2	2/21-2	BRC27001	ĐA. Thiết kế cầu BTCT	1	30		30	D21CD2DN	11	274	Nguyễn Kim Cường															4	4	4	4	4	4	3	3	T						ghép D20CD1DN-D21CD2DN										Học kỳ II năm 2021-2022														B.vệ ĐA	
3	2/21-2	BRC24009	Thi công Cầu 1	2	30	30		D21CD2DN	11	277	Vũ Quang Thuận														8	8	8	6																						Học kỳ II năm 2021-2022														Viết - đề mở	
4	2/21-2	BRC24014	ĐA. Thiết kế cầu thép	1	30		30	D21CD2DN	11	277	Vũ Quang Thuận															4	4	4	4	4	4	3	3		T					ghép D20CD1DN-D21CD2DN										Học kỳ II năm 2021-2022														B.vệ ĐA	
5	2/21-2	BRC24002	Thiết kế đường 1	3	45	45		D21CD2DN	11	273	Lê Đức Quân				12	12	12	9		T																														Học kỳ II năm 2021-2022														Viết - đề mở	
6	2/21-2	BRC27017	Tin học ứng dụng Đường	1	30		30	D21CD2DN	11	382	Nguyễn Thanh Vũ				6	6	6	6	6	T																														Học kỳ II năm 2021-2022														Máy - TH	
7	2/21-2	BRC25001	ĐA. Thiết kế đường	1	30		30	D21CD2DN	11	391	Nguyễn Sĩ Vinh										4	4	8	8	6	T																								Học kỳ II năm 2021-2022														B.vệ ĐA	
1	1	BRC27002	Hầm giao thông	3	60	30	30	D21CD2DN	11	274	Nguyễn Kim Cường				4	4	4	8	8	4	8	5																																												T.nghiệm - đề mở	
2	1	BRC26002	Thi công Đường 2	2	30	30		D21CD2DN	11	382	Nguyễn Thanh Vũ											8	8	8	6	T																																						Viết - đề mở	
3	1	ECO21902	Đấu thầu và thanh quyết toán công trình	2	45	15	30	D21CD2DN	11	137	Ngô Đình Châu												4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	5																															Nộp BTL+vấn đáp	
4	1	BRC25006	Tham quan công trình (CD)	1	40		40	D21CD2DN	11		Khoa KTCT																								40																													Nộp BC	
5	1	BRC22055	Chuyên đề tốt nghiệp (XDCĐ)	2	45	15	30	D21CD2DN	11	391	Nguyễn Sĩ Vinh																		8	8	9	10	10	T																														Nộp BC + vấn đáp	
			Tự chọn (SV chọn 4/8 học phần)																																																														
6	1	BRC22056	Học máy (Machine learning)	2	45	15	30	D21CD2DN	11	274	Nguyễn Kim Cường	Chuyển HK II																												8	8	8	8	8	5	T																		Viết - đề mở	
6	1	BRC27011	Sửa chữa và Tăng cường Cầu	2	30	30		D21CD2DN	11	375	Phạm Trung Nguyên																													4	4	4	4	4	7	3	T																	Viết - đề mở	
6	1	BRC27003	Đường sắt	2	30	30		D21CD2DN	11	391	Nguyễn Sĩ Vinh																													4	4	4	4	4	4	3	3	T																Viết - đề mở	
6	1	BRC27010	Bảo dưỡng sửa chữa đường	2	30	30		D21CD2DN	11	278	Đặng Quốc Việt																													4	4	4	4	4	4	3	3	T																Viết - đề đóng	
6	1	BRC27007	Đường sân bay	2	30	30		D21CD2DN	11																																																										
6	1	BRC25013	Ổn định mái dốc và tường chắn	2	30	30		D21CD2DN	11																																																										
6	1	BRC22073	Hệ thống giao thông thông minh	2	30	30		D21CD2DN	11																																																										
7	1	BRC27009	Công trình trên nền đất yếu	2	30	30		D21CD2DN	11																																																										
10	2	BRC25012	Đồ án tốt nghiệp (CĐ)	10	600		600	D21CD2DN	11		Khoa KTCT																																								DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA	B.vệ ĐA	
11	2	FLI25222	Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ (AV3/6)					D21CD2DN	11		Khoa KHCB																																																					Hết sử dụng thi	
12	2	FLI21902	Chuẩn đầu ra CNTT (CCCNTTCB)					D21CD2DN	11		Khoa KHCB																																																					Hết sử dụng thi	
13			**Tổng giờ, Dự trữ, Thi...**	**28**	**1300**	**420**	**880**	**D21CD2DN**	**11**	**SV**					**22**	**22**	**22**	**23**	**22**	**12**	**20**	**23**	**20**	**20**	**24**	**20**	**20**	**18**	**20**	**20**	**21**	**20**	**21**	**T**		**D**				**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**9**	**6**				**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**		

Phần màu vàng tự chọn 8/16 tín chỉ

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; DA: Đồ án tốt nghiệp; H: tuần học kỳ hè;

THÔNG TIN LỚP HỌC

D21CD2DN Ngành: Kỹ thuật xây dựng Công trình giao thông; Phân hiệu Đà Nẵng; Bậc học: Đại học.; Năm thứ: 2; GVCV: Ths. Nguyễn Quang Hòa;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2022-2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

| TT | Học kỳ | Mã Học phần | Tên học phần | Số TC | Số tiết | | | Lớp | Số SV | Mã GV | Tên Giảng viên | HỌC KỲ I | | |

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2022-2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

| TT | Học kỳ | Mã Học phần | Tên học phần | Số TC | Số tiết | | | Lớp | Sỉ SV | Mã GV | Tên Giảng viên | HỌC KỲ I | | |

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2022-2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

| TT | Học kỳ | Mã Học phần | Tên học phần | Số TC | Số tiết | | | Lớp | Số SV | Mã GV | Tên Giảng viên | HỌC KỲ I | | |

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2022-2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

| TT | Học kỳ | Mã Học phần | Tên học phần | Số TC | Số tiết | | | Lớp | Số SV | Mã GV | Tên Giảng viên | HỌC KỲ I | | |

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2022-2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

| TT | Học kỳ | Mã Học phần | Tên học phần | Số TC | Số tiết | | | Lớp | Số SV | Mã GV | Tên Giảng viên | HỌC KỲ I | | |